

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), xây dựng nền hành chính phục vụ, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Trọng tâm là:

- Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023: Kế hoạch CCHC¹, Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)²; Kế hoạch Chuyển đổi số³; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh⁴; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁵; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁶; Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kỳ 2019 - 2023⁷; Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁸; Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 - 2025⁹.

- Ban hành các văn bản triển khai thực hiện các thông báo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ và chỉ đạo về

¹ Quyết định 4750/QĐ-UBND ngày 30/12/2022.

² Quyết định 4657 /QĐ-UBND ngày 26/12/2022.

³ Kế hoạch 281/KH-UBND ngày 10/12/2022.

⁴ Kế hoạch 46/KH-UBND ngày 02/3/2023.

⁵ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 16/02/2023.

⁶ Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 30/01/2023.

⁷ Kế hoạch 17/KH-UBND ngày 02/02/2023.

⁸ Quyết định 3049/QĐ-UBND ngày 28/8/2023.

⁹ Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09/10/2023.

tăng cường trách nhiệm trong công tác tham mưu, giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh: Chỉ thị về tăng cường trách nhiệm trong công tác tham mưu, giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹⁰; văn bản chỉ đạo về việc nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ, các Kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, siết chặt kỷ luật, kỷ cương¹¹.

- Xây dựng Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên các lĩnh vực theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kế hoạch số 116-KH/TU ngày 04/3/2023. Chỉ đạo tổ chức Hội nghị về các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao thứ hạng chỉ số CCHC; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý¹²; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"¹³.

- Triển khai phân bổ, hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹⁴; bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, nguồn vốn ngân sách trung ương (nguồn vốn dự bị động viên) vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa¹⁵; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023 và khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024¹⁶. Tổ chức các Hội nghị trực tuyến bàn giải pháp đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giao kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 và chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới. Thực hiện hiệu quả các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh

¹⁰ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 29/5/2023.

¹¹ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ.

¹² Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022.

¹³ Kế hoạch 161-KH/TU ngày 31/8/2023.

¹⁴ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 8/11/2022.

¹⁵ Quyết định 3884/QĐ-UBND ngày 20/10/2023.

¹⁶ Công văn số 12790/UBND-THKH 30/08/2023; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 08/9/2023.

về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026¹⁷. Chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước.¹⁸

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp¹⁹. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ về cải cách TTHC²⁰; thực hiện nghiêm các quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy²¹; đẩy mạnh cải cách TTHC trong lĩnh vực cấp phiếu lý lịch tư pháp²²; ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023²³. Tăng cường cải cách việc thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công²⁴; mở rộng triển khai phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025²⁵

- Đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh²⁶; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát²⁷; đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung²⁸; kết nối, tích hợp, khai thác tài liệu điện tử (kho dữ liệu cá nhân) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia²⁹, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm trên cơ sở tái cấu trúc các quy trình thủ tục, tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³⁰; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³¹. Triển khai các tiêu chuẩn,

¹⁷ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 10/2/2023.

¹⁸ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 25/7/2023.

¹⁹ Công văn số 16486/UBND-KSTTHC ngày 01/11/2023.

²⁰ Công văn số 11699/UBND-KSTTHC ngày 14/8/2023. Công văn số 15018/UBND-KSTTHC ngày 06/10/2023.

²¹ Công văn số 2739/UBND-KSTTHCNC ngày 06/3/2023.

²² Công văn số 10445/UBND-KSTTHCNC ngày 21/7/2023.

²³ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023.

²⁴ Công văn số 9762/UBND-KSTTHCNC ngày 10/7/2023.

²⁵ Công văn số 17442/UBND-KSTTHCNC ngày 17/11/2023.

²⁶ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022.

²⁷ Chỉ thị số 02/CT-UBND-CNTT ngày 18/01/2023.

²⁸ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 27/2/2023.

²⁹ Công văn 10941/UBND-KSTTHCNC ngày 31/7/2023.

³⁰ Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 13/2/2023.

³¹ Thông báo số 132/TB-UBND ngày 04/8/2023; Công văn số 7673/UBND-KSTTHCNC ngày 02/6/2023; Công văn số 12501/UBND-KSTTHCNC ngày 25/08/2023.

quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật phục vụ phát triển Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số tại Việt Nam³².

- Phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nội vụ và các đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết đón tiếp và làm việc với Đoàn lãnh đạo cấp cao nước CHDCND Lào đến thăm và làm việc với tỉnh Thanh Hóa về công tác CCHC của tỉnh.

Các cấp, các ngành căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, 100% các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023, Kế hoạch kiểm tra để triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương.

2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính

Thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch và kiểm tra công tác CCHC gắn với việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023³³. Theo đó, Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra 16 đơn vị, trong đó có 06 đơn vị sở, ngành; 10 đơn vị cấp huyện³⁴.

Kết quả kiểm tra cho thấy: Cơ bản các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện được kiểm tra đều triển khai thực hiện tốt công tác CCHC như: Ban hành đầy đủ kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC; tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp, nâng cao tỷ lệ giải quyết đúng hạn, tỷ lệ hài lòng; thực hiện có hiệu quả cơ chế quản lý tài chính trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập... Những tồn tại phát hiện qua kiểm tra đã được Đoàn kiểm tra thông báo đến các đơn vị; trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị đã kịp thời khắc phục nhằm nâng cao chất lượng thực hiện CCHC sau kiểm tra.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện; nhiều đơn vị, địa phương thực hiện lồng ghép tuyên truyền CCHC gắn với tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung tuyên truyền tập trung vào những vấn đề có tính thời sự như giải quyết hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; hóa đơn điện tử. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho tổ chức, công dân giải quyết TTHC được

³² Công văn 17135/UBND-CNTT ngày 13/11/2023.

³³ Kế hoạch số 16/KH-TCTKTCV ngày 05/01/2023 và Kế hoạch số 65/KH-SNV ngày 10/02/2023.

³⁴ Việc kiểm tra được thực hiện bằng cả hình thức trực tiếp và trên môi trường điện tử.

đẩy mạnh với nhiều cách thức như hỗ trợ trực tiếp tại nơi công dân làm TTHC, qua số tổng đài, qua mạng xã hội zalo. Một số đơn vị đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền CCHC, tiêu biểu như sau:

- Sở Nội vụ đã tổ chức thành công Hội thảo “Chia sẻ sáng kiến, mô hình CCHC” tạo sức lan tỏa tích cực đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh về việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp cùng với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan liên quan xây dựng và phát sóng 02 phóng sự “Tập trung nguồn lực số hóa hồ sơ TTHC” và “Thanh Hóa triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông thiết yếu của Đề án 06”. Tại Phóng sự đã truyền tải được những thông tin nhanh, tổng quát, ngắn gọn, cần thiết về công tác số hóa hồ sơ, triển khai 2 nhóm liên thông khai sinh, khai tử để người dân nắm bắt được những tiện ích của công tác chuyển đổi số và Đề án 06 mang lại.

- Đoàn Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị tổ chức Hội thi “Tuổi trẻ Đoàn Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh xung kích tham gia CCHC và xây dựng cơ quan, doanh nghiệp văn hoá, kiểu mẫu” theo hình thức sân khấu hóa (qua các tiểu phẩm, hùng biện bằng tiếng anh, trả lời câu hỏi, biểu diễn thời trang,...) từ đó đã huy động được đông đảo sự tham gia của lực lượng đoàn viên, thanh niên thuộc các cơ sở đoàn của khối cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng... Qua đó, tuyên truyền sâu rộng, mạnh mẽ đến tầng lớp trẻ về các chủ trương đường lối, mục tiêu kế hoạch trong CCHC.

- Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh cấp huyện thường xuyên viết bài và đưa tin, bài về CCHC; Trang thông tin điện tử CCHC của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.thanhhoa.gov.vn> đăng tải 88 tin bài; các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đăng tải tin, bài về CCHC trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023

- Số nhiệm vụ được giao: 36 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 36 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ;

5. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính

- Ngày 19/4/2023, UBND tỉnh đã ban hành văn bản triển khai Mô hình điểm “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD gắn chip điện tử và ứng dụng

VNeID” tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³⁵ tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong quá trình khám, chữa bệnh, ứng dụng các tiện ích của thẻ CCCD gắn chip vào các giao dịch hành chính.

- Triển khai ứng dụng di động Công dân số ThanhHoaS trên địa bàn tỉnh³⁶. Phần mềm này bắt đầu xây dựng từ năm 2020³⁷ và được thí điểm trên địa bàn cấp xã. Đến nay, ứng dụng ThanhHoaS cơ bản đã được hoàn thiện và áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh, bước đầu đã mang lại một số hiệu quả về kết nối giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền một cách nhanh chóng, thuận tiện.

ThanhHoaS có ứng dụng đa tiện ích trên thiết bị thông minh, tích hợp các tiện ích của chính quyền số như: Xử lý phản ánh kiến nghị, quản lý văn bản điều hành,... phục vụ người dân, doanh nghiệp dễ dàng tìm thấy và truy cập đến các dịch vụ công, dịch vụ thiết yếu, danh bạ liên hệ của các cơ quan địa phương (UBND, trường học, trạm y tế, công an...). Đây cũng là công cụ phục vụ công tác quản lý điều hành, gửi nhận văn bản của UBND cấp xã tới cơ sở giáo dục, y tế, công an, trường thôn, bản, phố, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xử lý.

- Triển khai thí điểm mô hình “3 Không” trong chuyển đổi số³⁸: Không phải khai báo thông tin nhiều lần trong thực hiện dịch vụ công; Không dùng tiền mặt trong một số các dịch vụ thiết yếu; Không cần tiếp xúc trực tiếp với chính quyền³⁹. Sau hai tháng triển khai thí điểm mô hình “3 Không” trong chuyển đổi số, với những kết quả khả quan bước đầu và sẽ tiếp tục được nhân rộng trên toàn tỉnh trong thời gian tới.

- Thường trực HĐND tỉnh thực hiện giám sát “Việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về hoạt động chất vấn, các kết luận của Thường trực HĐND tỉnh sau giám sát chuyên đề từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến nay”. Qua đó, thực hiện tái giám sát những nội dung đã được giám sát, chất vấn, những vấn đề cử tri và Nhân dân quan tâm, nhằm tăng cường sự đồng thuận, tin tưởng của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, hoạt động của UBND các cấp và các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh.

- Nhiều mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được các ngành, các cấp triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh: Mô hình “Tổng đài hỗ trợ hướng dẫn TTHC” tại xã Đông Tiến (Đông Sơn); mô hình “Lễ tân hành chính” tại xã Đông Văn (Đông Sơn); mô hình “Ngày không viết và Ngày không hẹn” tại xã Đông Minh

³⁵ Công văn số 5387/UBND-KSTTHCNC ngày 19/4/2023.

³⁶ Công văn số 11688/UBND-CNTT ngày 14/8/2023.

³⁷ Công văn số 14820/UBND-CNTT ngày 22/10/2020.

³⁸ Kế hoạch số 1327/KH-STTTT ngày 31/5/2023 về việc triển khai thực hiện thí điểm mô hình “3 không” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (triển khai từ ngày 01/6/2023).

³⁹ Áp dụng tại Phường Điện Biên (Thành phố Thanh Hóa), xã Tây Hồ (huyện Thọ Xuân), xã Thiệu Trung (huyện Thiệu Hóa), xã Nga Liên (Huyện Nga Sơn).

(Đông Sơn); Huyện Quan Hóa triển khai nhân rộng mô hình “Điểm dịch vụ công trực tuyến” thành lập 15 điểm tại 15 xã, thị trấn trên địa bàn để hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thọ Xuân với sáng kiến “Ngày thứ Bảy tình nguyện giúp dân giải quyết TTHC”; ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành an ninh trật tự tại xã Cẩm Tú (Cẩm Thủy); xây dựng mô hình thôn thông minh tại các thôn trên địa bàn xã Định Long (Yên Định), xã Hoàng Thái (huyện Hoàng Hóa); mô hình đưa sản phẩm nông sản lên sàn gắn truy xuất nguồn gốc và thanh toán không dùng tiền mặt tại huyện Đông Sơn; xây dựng CSDL và hệ thống quản lý trực tuyến về tuyển sinh lớp 10 THPT tỉnh Thanh Hóa...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Tính đến thời điểm báo cáo, UBND tỉnh ban hành 60 văn bản QPPL trong năm 2023, tập trung vào các lĩnh vực: Đất đai; giao thông; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị... Sau khi ban hành, 100% văn bản đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Tư pháp đã tham gia 59 ý kiến dự thảo văn bản của Trung ương, thẩm định 132 dự thảo văn bản và tham gia ý kiến 1.132 dự thảo văn bản của HĐND, UBND tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền được chú trọng thực hiện. Trong năm, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tiến hành tự kiểm tra: 2.289 văn bản do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (60 văn bản QPPL, 2.229 văn bản khác); phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát 244 văn bản QPPL (số văn bản QPPL cần phải xử lý sau rà soát là 69 văn bản hết hiệu lực toàn phần, hết hiệu lực một phần; đã xử lý xong 51 văn bản).

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực theo dõi và xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai thống nhất, hiệu quả theo kế hoạch về công tác phổ biến giáo dục, pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh⁴⁰. Năm 2023, tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, tặng Bằng khen cho 15 tập thể và 14 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải ở cơ sở; đội thi Hòa giải viên (được

⁴⁰ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 3/2/2023

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập) đạt giải nhất Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ IV, tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên và giải nhì toàn quốc.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát, kiến nghị đơn giản tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý; niêm yết công khai và thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân; cập nhật vào bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Công thông tin điện tử của tỉnh; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn>); Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>); qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 70 Quyết định công bố danh mục TTHC (với 79 thủ tục mới ban hành; 421 thủ tục sửa đổi, bổ sung; 107 thủ tục bãi bỏ). Tích hợp và nhập dữ liệu 500 TTHC, không công khai 107 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Tiếp nhận 359 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân về TTHC, trong đó, 344 phản ánh kiến nghị đã được xử lý, 15 phản ánh kiến nghị đang trong thời gian xử lý theo quy định.

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Theo đó, 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã⁴¹ và 100% TTHC, nhóm TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp; 467 TTHC thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp; 200 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

- Duy trì và thực hiện 868 dịch vụ công toàn trình và 842 dịch vụ công một phần; tất cả dịch vụ công đã được nhập đường link trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, được công khai và kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Đẩy mạnh gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC tại Bộ phận một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác. Thông tin số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết của tổ chức, cá nhân được lưu giữ tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân

⁴¹ Tính đến 20/11/2023, toàn tỉnh có 2.121 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 1.561; cấp huyện 317; cấp xã 243.

tại Cổng dịch vụ công tỉnh và được đồng bộ dữ liệu lên Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng yêu cầu tái sử dụng dữ liệu theo quy định. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã kết nối với phần mềm Dịch vụ công liên thông của Bộ Công an phục vụ cho việc tổ chức thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông khai sinh, liên thông khai tử, việc đồng bộ, chia sẻ dữ liệu về trạng thái tình hình xử lý hồ sơ liên thông được thực hiện thường xuyên, thông suốt. Trong năm 2023, toàn tỉnh đã triển khai hoàn thành được 104.340 bản sao chứng thực điện tử, làm cơ sở để thực hiện số hóa hồ sơ giấy tờ và tạo dữ liệu điện tử cho công dân.

- Mở rộng việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Năm 2023, có 10 TTHC thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính⁴². Đối với các TTHC này, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn 1 trong 3 địa điểm để được hướng dẫn và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích là: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã⁴³.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC lên phiên bản mới nhất, thiết kế lại giao diện, trải nghiệm cho người dùng, ưu tiên các DVC thiết yếu theo hướng đơn giản, tối giản các thao tác để người dân dễ dàng thực hiện; đảm bảo chức năng ký số từ xa trên Hệ thống; thực hiện kết nối với Hệ thống thông tin của Kho bạc Nhà nước, cơ quan Thuế để thực hiện thanh toán trực tuyến; triển khai kho dữ liệu cá nhân để lưu trữ dữ liệu giải quyết DVC phục vụ chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu; triển khai cung cấp DVC trên thiết bị di động; xây dựng Hệ thống đảm bảo tối thiểu 03 phương thức trao đổi thông tin (Email, SMS, thông báo trên Cổng DVC và các ứng dụng OTT); kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số của Bộ Thông tin và Truyền thông. Phối hợp, hỗ trợ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa hướng dẫn, hỗ trợ công dân tạo tài khoản định danh điện tử trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, mở tài khoản ngân hàng để giao dịch thanh toán trực tuyến; phối hợp với Chi nhánh Viettel Thanh Hóa và Trung tâm kinh doanh Vinaphone, VNPT Thanh Hóa cử nhân viên hỗ trợ trực tiếp cho công dân đăng ký sim chính chủ nhằm thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, tạo tài khoản định danh điện tử trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Việc thu phí, lệ phí trên Cổng dịch vụ quốc gia đang được các cơ quan, đơn vị triển khai sâu rộng, tạo lập tài khoản thanh toán của Bộ phận một cửa,

⁴² Thủ tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc các lĩnh vực: Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch

⁴³ Thời gian thực hiện thí điểm từ ngày 15/10/2023 đến ngày 31/12/2024.

tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người dân thực hiện thanh toán trực tuyến. Một số đơn vị triển khai tích cực như: Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa, huyện Như Thanh, huyện Yên Định. Các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai triển khai tốt dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia gồm: Như Thanh, Nga Sơn, Yên Định, Bá Thước, Thành phố Thanh Hóa...

- Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công và bộ phận một cửa các cấp là: 1.374.705 hồ sơ. Trong đó: Tiếp nhận trực tuyến: 415.979 hồ sơ; trực tiếp, BCCI (bưu chính): 602.168 hồ sơ. Đã giải quyết 1.198.136 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 1.181.435 hồ sơ (đạt tỷ lệ 98,60%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, giai đoạn 2022- 2026⁴⁴; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”⁴⁵. Năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Quy định khung số lượng cấp phó của các sở, cơ quan ngang sở thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá; quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Nội vụ, phòng Tài chính Kế hoạch, phòng Tư pháp và phòng Giáo dục và Đào tạo của các cơ quan thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁴⁶ và một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh⁴⁷; phê duyệt Đề án thành lập Ban Quản lý cảng cá Thanh Hóa thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thẩm định Đề án sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức bên trong của các đơn vị hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của các cơ quan đơn vị: Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025; Trường Đại học Hồng Đức, giai đoạn 2023 - 2025; Bệnh viện mắt, Bệnh viện nội tiết, Bệnh viện Nhi; Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông

⁴⁴ Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 05/12/2023.

⁴⁵ Công văn số 10156/UBND-KHTH ngày 17/7/2023

⁴⁶ Quyết định số 6238/QĐ-UBND ngày 07/7/2023; Quyết định số 6850/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 28/7/2023; Quyết định số 6962/QĐ-UBND ngày 28/7/2023.

⁴⁷ Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, quyền hạn của một số cơ quan: Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - Khen thưởng; Chi cục Văn thư, Lưu trữ (Sở Nội vụ); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường); bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (Thành phố Sầm Sơn)...

và Điều hành vận tải hành khách công cộng; Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...

Phê duyệt Đề án sáp nhập Đoàn Quy hoạch và Thiết kế thủy lợi vào Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁴⁸; Đề án sáp nhập Hạt giao thông thị xã Nghi Sơn vào Trung tâm Quản lý Hạ tầng, Môi trường và Hỗ trợ đầu tư⁴⁹. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nhập huyện Đông Sơn vào Thành phố Thanh Hóa; hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình và thành lập thị trấn Hậu Hiền thuộc huyện Thiệu Hóa. Triển khai thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, UBND tỉnh đã hoàn thiện báo cáo Bộ Nội vụ Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025.

- Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của tổ chức hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục trong việc xem xét cho thành lập mới, phê duyệt điều lệ và tổ chức đại hội, hội nghị nhiệm kỳ của các hội⁵⁰.

- Báo cáo Ban Cán sự Đảng về kết quả quản lý, sử dụng biên chế giai đoạn 2015 - 2021 và Kế hoạch biên chế khôi chính quyền tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026; Báo cáo Bộ Nội vụ nhu cầu biên chế giáo viên trên địa bàn tỉnh năm học 2023 - 2024⁵¹.

Năm 2023, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giao là 3.698 biên chế, có mặt tại thời điểm báo cáo là 3.382 biên chế (thấp hơn số giao 316 biên chế). Số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao là: 61.288 người, có mặt tại thời điểm báo cáo là 58.392 người⁵² (thấp hơn số giao

⁴⁸ Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 29/9/2023

⁴⁹ Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 09/11/2023

⁵⁰ Tổ chức Đại hội: Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa, Liên đoàn võ thuật, Hội nghề cá, Hiệp hội Doanh nghiệp Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tỉnh Thanh Hóa...; Cho phép thành lập Hội Cựu giáo chức huyện Hoằng Hóa; Đổi tên và phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thanh Hóa; Phê duyệt Điều lệ Hội Đông y huyện Yên Định. Thay đổi thành viên Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh; thay đổi thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026. Kiện toàn quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Phê duyệt Điều lệ Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thanh Hóa; Hội Xây dựng tỉnh Thanh Hóa. Công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Khuyến học Lê Xuân Lan, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

⁵¹ Báo cáo 158/BC-UBND ngày 04/8/2023;

⁵² Báo cáo số 583-BC/BCSD ngày 14/11/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Thanh Hóa về tình hình thực hiện chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp năm 2023 và kế hoạch giao biên chế năm 2024 của tỉnh Thanh Hóa.

là 2.881 biên chế). Số lượng người làm việc của các Hội đặc thù cấp tỉnh là: 78 người và 01 định suất lương (bằng số giao).

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 12/6/2023 về quản lý biên chế hành chính khối chính quyền tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2026; Phê duyệt danh sách quy hoạch chức vụ Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu giai đoạn 2020 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030⁵³.

- Công nhận kết quả trúng tuyển cho 2.085 viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (trong đó: giáo dục 1.509 người, y tế: 318 người; ngành khác 258 người). Tiếp nhận 79 viên chức từ tỉnh ngoài về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận vào làm công chức đối với 86 người; thống nhất 08 trường hợp công chức tỉnh ngoài về công tác tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 158 người⁵⁴ (trong đó có: 02 Phó Giáo sư, 15 Tiến sĩ; 42 Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II; 99 Thạc sĩ, Dược sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật y tế, y tế cộng đồng chuyên khoa cấp I); phê duyệt đối tượng và kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017; Nghị quyết số 233/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa cho 29 người⁵⁵. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 với 323 người (khối Đảng, Đoàn thể: 03 người; khối hành chính cấp tỉnh: 72 người; khối sự nghiệp: 248 người).

- Thực hiện kịp thời chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi với các đối tượng khác có liên quan: năm 2023, thực hiện thẩm định, xếp lương cho 98 cán bộ, công chức cấp xã; trợ cấp thôi việc cho 373 đối tượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố dôi dư theo Nghị quyết 233/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh; Công an xã nghỉ việc vì lý do chính đáng theo Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009; Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự cấp xã theo Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức⁵⁶; kỳ thi nâng ngạch công chức lên chức chuyên viên cao cấp và kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên/giảng viên cao đẳng sư phạm năm

⁵³ Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 01/8/2023.

⁵⁴ Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁵⁵ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 29/3/2023.

⁵⁶ Quyết định số 46/KH-UBND ngày 02/3/2023.

2023⁵⁷. Ban hành bộ tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa có đồng bào dân tộc sinh sống được biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung năm 2022⁵⁸. Biên soạn Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁵⁹. Cử đại biểu, giảng viên, báo cáo viên tham dự khóa tập huấn, chuyển giao chương trình, tài liệu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ triển khai.

- Triển khai việc cập nhật cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023⁶⁰, tổ chức tập huấn, cập nhật cơ sở dữ liệu về CBCCVC cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đối với 5.825 học viên, 2.781 đơn vị đầu mỗi chia làm 28 cụm/78 lớp. Đến nay, theo thống kê, trên phần mềm đã có gần 60.000 hồ sơ CBCCVC đã được đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đến nay, toàn tỉnh có 11.310 cán bộ, công chức cấp xã. Trong đó cán bộ cấp xã: 5.812 người; công chức cấp xã: 5.498 người. Chất lượng cán bộ cấp xã: Số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đại học và trên đại học 5.460 (chiếm 93,95%); cao đẳng: 105 (chiếm 1,8%); trung cấp: 241 (chiếm 4,15%); sơ cấp 6 người (chiếm 0,1%). Chất lượng công chức cấp xã: Số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: đại học và trên đại học 4.840 (chiếm 88,03 %); cao đẳng: 98 người (chiếm 1,78 %); trung cấp: 560 người (chiếm 10,19 %).

5. Cải cách tài chính công

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025⁶¹; bổ sung, điều chỉnh nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh, nguồn vốn ngân sách trung ương (nguồn vốn dự bị động viên) vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa⁶² giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm

⁵⁷ Công văn số 710/UBND-KHTH ngày 16/01/2023.

⁵⁸ Quyết định 177/QĐ-UBND ngày 12/01/2023.

⁵⁹ Công văn 1608/UBND-VX ngày 13/02/2023.

⁶⁰ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 17/5/2023 về cập nhật cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

⁶¹ Quyết định 371/QĐ-UBND ngày 21/1/2022.

⁶² Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 20/10/2023.

2023 tỉnh Thanh Hóa⁶³; giao kế hoạch vốn và bổ sung kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số năm 2023⁶⁴; thực hiện điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025⁶⁵ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023⁶⁶.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁶⁷...

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Trong năm 2023, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0 đã được phê duyệt⁶⁸; thực hiện tốt việc sử dụng văn bản điện tử; phát huy hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh tại hơn 700 điểm cầu.

- Trục tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia, phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã; hoàn thành Cổng dữ liệu mở của tỉnh với 10 nhóm dữ liệu của 58 CSDL dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nhằm kết nối, chia sẻ các dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

Triển khai thí điểm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh và trợ lý ảo tại Sở Thông tin và Truyền thông, Tòa án nhân dân tỉnh nhằm ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời giảm tải công việc cho cán bộ Bộ phận hỗ trợ dịch vụ công, hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư từ cấp tỉnh đến cấp xã, từng bước đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng; Trung tâm An ninh mạng và

⁶³Quyết định số 4662/QĐ-UBND ngày 26/12/2022.

⁶⁴Quyết định 4028/QĐ-UBND ngày 31/10/2023.

⁶⁵Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 26/12/2022.

⁶⁶Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 9/2/2023.

⁶⁷Công văn số 1007/UBND-THKH ngày 27/01/2023.

⁶⁸Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.

An toàn dữ liệu luôn bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7 cho hệ thống công nghệ thông tin dùng chung.

- Quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Công Dịch vụ công quốc gia, Công Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa tiếp tục được đẩy mạnh, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh, tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi. Hiện nay, 100% các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh đã triển khai thanh toán phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt và sử dụng hóa đơn điện tử; đã triển khai ứng dụng VssID (Bảo hiểm xã hội số); hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) tại 100% cơ sở khám chữa bệnh; hệ thống cấp mã số BHXH và quản lý thẻ BHYT hộ gia đình.

- Triển khai Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) với 195 cơ sở dữ liệu mở của 15 lĩnh vực nhằm chia sẻ, công khai dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và đảm bảo công khai, minh bạch thông tin của cơ quan chính quyền đối với người dân, doanh nghiệp. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh đã được chuyển đổi sang địa chỉ IPv6, trên đó cung cấp 842 dịch vụ công trực tuyến một phần và 868 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia 1.711 dịch vụ công dịch vụ⁶⁹. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, phục vụ việc xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được sử dụng tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tích hợp chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và đang thí điểm ký số trên thiết bị di động. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản đi trên hệ thống: 904.749/907.045 đạt 99,75%; tỷ lệ ký số đạt trên 99% giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị được công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước.

⁶⁹ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Một số đơn vị, địa phương chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc trong đẩy mạnh CCHC (xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch; số hóa hồ sơ; giải quyết hồ sơ trực tuyến; vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong giải quyết TTHC ở một số lĩnh vực như đất đai, hộ tịch...).

- Công tác tuyên truyền về CCHC chưa đạt hiệu quả cao. Một số cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, người dân và doanh nghiệp chưa thích ứng với sự thay đổi của việc đẩy mạnh CCHC và chuyển đổi số (trong nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến,...).

- Việc kết nối liên thông, tích hợp giữa Hệ thống thông tin điện tử một cửa của tỉnh với phần mềm chuyên ngành giải quyết TTHC của một số Bộ, ngành Trung ương đến nay vẫn chưa thực hiện được do các Bộ, ngành Trung ương chưa có hướng dẫn hoặc trợ giúp, chia sẻ dữ liệu.

2. Nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện CCHC ở một số nơi vẫn chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả.

- Công tác tuyên truyền CCHC chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực dẫn đến các nội dung, nhiệm vụ CCHC chưa được lan tỏa sâu rộng tới tất cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp và người dân, doanh nghiệp.

- Các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC chưa có sự chuẩn hóa, thống nhất, đồng bộ về dữ liệu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

1. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thu hút đầu tư; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; cạnh tranh bình đẳng; tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tài chính ngân sách; xây dựng; giao thông, y tế; giáo dục đào tạo... Đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, tập trung rà soát các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành với các quy định của Trung ương.

2. Tăng cường thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025. Tập trung giải quyết các TTHC, bảo đảm duy trì tỷ lệ giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên;

thực hiện rà soát, đưa 100% hồ sơ TTTC đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến toàn trình, trực tuyến một phần.

3. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 4278/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2026. Xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025.

4. Quản lý chặt chẽ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực; đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

5. Tổ chức đánh giá về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công theo quy định của Chính phủ. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý chi tiêu công để tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; thực hiện phân tách giữa các cấp ngân sách theo quy định. 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm việc công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin ngân sách theo các hình thức quy định; tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương.

6. Phấn đấu 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó; tiếp tục tăng số lượng hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số. Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về phí, lệ phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Xây dựng hệ thống dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

7. Tiếp tục duy trì và nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, đảm bảo hoạt động hiệu quả, thông suốt, đáp ứng yêu cầu của công tác thông tin báo cáo.

8. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác CCHC; tích cực tuyên truyền công tác CCHC dưới nhiều hình thức, trong đó chú trọng các giải pháp tuyên truyền để người dân, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác CCHC gắn với việc thực hiện văn hóa công vụ.

9. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KSTTHC-NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	73	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	36	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	36	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	06	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	10	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	48	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	48	

4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	14	05/14 cơ quan, đơn vị đang trong quá trình thực hiện kết luận thanh tra theo tiến độ
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	64.28	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	166	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	49	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	7.041	Kế hoạch 656/KH-SNV ngày 12/9/2023
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	

7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	<p>- Đối thoại với thanh niên:</p> <p>+ Ngày 24/3/2023, UBND tỉnh tổ chức hội nghị Chủ tịch UBND tỉnh đối thoại với thanh niên năm 2023 với chủ đề “Xây dựng tổ chức Đoàn, Hội vững mạnh; thúc đẩy khát vọng cống hiến và tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp của thanh niên Thanh Hóa”;</p> <p>+ Ngày 01/11/2023, UBND tỉnh tổ chức hội nghị Chủ tịch UBND tỉnh đối thoại với thanh niên năm 2023 với chủ đề “Nghề nghiệp và việc làm cho thanh niên”</p> <p>- Đối thoại với doanh nghiệp: Ngày 31/3/2023, UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp năm 2023...</p>
----------	--	---------------------	---	--

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	60	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	60	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	24	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau	Văn bản	0	

	kiểm tra			
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	244	Bao gồm rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo Nghị quyết 101/2023/QH15; Rà soát theo Thông báo số 146/TB-UBND ngày 30/8/2023
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	74	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	69	Hết hiệu lực toàn phần, hết hiệu lực một phần
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	51	Quyết định 3278/QĐ-UBND ngày 17/01/2023

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	30	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	79	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	528	421 thủ tục sửa đổi, 107 thủ tục bãi bỏ
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.121	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.561	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả	Thủ tục	317	

	TTHC của cơ quan ngành dọc)			
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	243	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	467	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	200	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	10	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,82	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	642.131	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	628.153	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,98	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	55.408	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	54.847	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,56	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	500.597	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	498.435	

3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	95,82	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	359	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	344	15 PAKN đang trong thời gian xử lý

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh	Tổ chức	128	

	thành lập			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	2.183	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	14	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	220	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1.953	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	10.1	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.968	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.382	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	787	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	39	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	9.1	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	61.288	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại	Người	58.392	

	thời điểm báo cáo			
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	669	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	8.5	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	48	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.989	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	86	

2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	2.085	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	
Biểu mẫu 6				

Cải cách tài chính công				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	58,3	Theo Văn bản số 6856/BC-STC ngày 13/11/2023 của Sở Tài chính.
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	14.861.491	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	8.662.975	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	236	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	2	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	18	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	192	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	36	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	25	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	131	

2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	24	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Quyết định số 5447/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 22/12/2020 phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung	Chưa = 0 Đang làm = 1	2	Địa chỉ: https://lgsp.thanhhoa.gov.vn

	(LGSP).	Hoàn thành = 2		
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,75	Số lượng gửi đi 904.749/907.045 văn bản
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,71	Số lượng gửi đi 177.376/177.888 văn bản
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	99,76	Số lượng gửi đi 347.776/348.608 văn bản
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99,75	Số lượng gửi đi 379.597/380.549 văn bản
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống			

	thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	868	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	868	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	842	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	284	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	93,67	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến +	Hồ sơ	219.166	

	trực tiếp)			
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	205.299	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	98,98	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	196.813	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	194.813	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	525	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	525	